

Số: 67/2023/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 18 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 299/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Lê Văn Q**, sinh năm 1960; Địa chỉ: 85/22 đường B, phường H, thành phố H, tỉnh T.

- Bị đơn: **Bà Hồ Thị T**, sinh năm 1952;

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: 75/10 đường B, TDP B, phường H, thành phố H, tỉnh T;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị Yến L, sinh năm 1980 và cháu Lê Văn Nhật H, sinh năm 2016 (chị Hà Thị Yến L là đại diện hợp pháp của cháu H), Cùng địa chỉ: Số nhà 85/22 B, phường H, thành phố H, tỉnh T.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Q, chị Hà Thị Yến L và cháu Lê Văn Nhật H (chị Hà Thị Yến L là đại diện hợp pháp của cháu H): Bà Nguyễn Thị Khánh Thi, sinh năm 1984 (Theo Giấy ủy quyền ngày 05/4/2023). Địa chỉ: Căn hộ 415, nhà A, chung cư D, phường P, thành phố H, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về số tiền nợ: Bà Hồ Thị T và bà Nguyễn Thị H còn nợ và phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh

Lê Văn C Cường gồm: ông Lê Văn Q, chị Hà Thị Yên L và cháu Lê Văn Nhật H số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận bà Hồ Thị T và bà Nguyễn Thị H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp (Bản án), quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TRẦN THỊ PHƯƠNG HỒNG